



LỊCH THI HỌC KỲ 1 (ĐỢT 1) - NĂM HỌC 2025-2026
CÁC MÔN 1, 2 TÍN CHỈ, TIẾNG ANH 4 - TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY

STT	Môn thi	Mã LHP	Lớp	Khoa chủ quản	Hình thức thi	Số tín chỉ	Sĩ số	Phòng Thi	Giờ thi	Thứ	Ngày thi	Nhóm	Từ số	Cột điểm thi	Ghi Chú
1	Kỹ năng Thuyết trình	010100094201	23ĐHNADL	Khoa Ngoại ngữ	Thuyết trình	2	35	G201	7:30	6	14/11/2025	1	1-12		
2	Kỹ năng Thuyết trình	010100094201	23ĐHNADL	Khoa Ngoại ngữ	Thuyết trình	2	35	G302	7:30	6	14/11/2025	2	13-24		
3	Kỹ năng Thuyết trình	010100094201	23ĐHNADL	Khoa Ngoại ngữ	Thuyết trình	2	35	G308	7:30	6	14/11/2025	3	25-35		
4	Tinh thần lãnh đạo Hàng không	010100111501	23ĐHKVKH	Khoa Quản trị kinh doanh	Tự luận	2	51	G202	7:30	6	14/11/2025	1	1-26		
5	Tinh thần lãnh đạo Hàng không	010100111501	23ĐHKVKH	Khoa Quản trị kinh doanh	Tự luận	2	51	G301	7:30	6	14/11/2025	2	27-51		
6	Kỹ năng đàm phán	010100188601	23ĐHKVLQ2	Khoa Quản trị kinh doanh	Tự luận	2	46	G406	7:30	6	14/11/2025				
7	Hệ thống SCADA	011100016401	23DHTĐ01; 23DHTĐ02	Khoa Điện - Điện tử	Báo cáo	2	73	G403	7:30	6	14/11/2025	1	1-24		
8	Tiếng Anh 4	011100112001	24ĐAKL01	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm	3	46	G205	7:30	6	14/11/2025			Nghe	
9	Tiếng Anh 4	011100112002	23ĐHĐT01	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm	3	46	G305	7:30	6	14/11/2025			Nghe	
10	Tiếng Anh 4	011100112003	23DHTĐ01	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm	3	44	G204	7:30	6	14/11/2025			Nghe	
11	Tiếng Anh 4	011100112004	23DHTĐ02	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm	3	43	G113	7:30	6	14/11/2025			Nghe	
12	Tiếng Anh 4	011100112005	23ĐHĐT01	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm	3	19	G203	7:30	6	14/11/2025			Nghe	
13	Nền móng	011100116501	24ĐHXDC1	Khoa Xây dựng	Tự luận	2	22	G303	7:30	6	14/11/2025				
14	Thí nghiệm KTHK 2	011100132602	23ĐHKT02	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Báo cáo	2	52	G03	7:30	6	14/11/2025	1	1-26		
15	Kỹ năng Thuyết trình	010100094202	23ĐHNAHK1	Khoa Ngoại ngữ	Thuyết trình	2	46	G201	9:30	6	14/11/2025	1	1-12		
16	Kỹ năng Thuyết trình	010100094202	23ĐHNAHK1	Khoa Ngoại ngữ	Thuyết trình	2	46	G302	9:30	6	14/11/2025	2	13-24		
17	Kỹ năng Thuyết trình	010100094202	23ĐHNAHK1	Khoa Ngoại ngữ	Thuyết trình	2	46	G308	9:30	6	14/11/2025	3	25-36		
18	Kỹ năng Thuyết trình	010100094202	23ĐHNAHK1	Khoa Ngoại ngữ	Thuyết trình	2	46	G504	9:30	6	14/11/2025	4	37-46		
19	Biên dịch	010100121510	24ĐHNATM1	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận	2	40	G113	9:30	6	14/11/2025				
20	Biên dịch	010100121511	24ĐHNATM3	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận	2	40	G203	9:30	6	14/11/2025				

STT	Môn thi	Mã LHP	Lớp	Khoa chủ quản	Hình thức thi	Số tín chỉ	Sĩ số	Phòng Thi	Giờ thi	Thứ	Ngày thi	Nhóm	Từ sĩ số	Cột điểm thi	Ghi Chú
21	Biên dịch	010100121512	24ĐHNATM5	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận	2	40	G204	9:30	6	14/11/2025				
22	Biên dịch	010100121513	24ĐHNAHK2	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận	2	40	G303	9:30	6	14/11/2025				
23	Hệ thống SCADA	011100016401	23ĐHTĐ01; 23ĐHTĐ02	Khoa Điện - Điện tử	Báo cáo	2	73	G403	9:30	6	14/11/2025	2	25-50		
24	Tiếng Anh 4	011100112001	24ĐAKL01	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận	3	46	G205	9:30	6	14/11/2025			Viết	
25	Tiếng Anh 4	011100112002	23ĐHĐT01	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận	3	46	G305	9:30	6	14/11/2025			Viết	
26	Tiếng Anh 4	011100112003	23ĐHTĐ01	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận	3	44	G406	9:30	6	14/11/2025			Viết	
27	Tiếng Anh 4	011100112004	23ĐHTĐ02	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận	3	43	G304	9:30	6	14/11/2025			Viết	
28	Tiếng Anh 4	011100112005	23ĐHĐT01	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận	3	19	G202	9:30	6	14/11/2025			Viết	
29	Tin học chuyên ngành (QLDA)	011100128901	24ĐHXDC1	Khoa Xây dựng	Tiểu luận	2	23	G307	9:30	6	14/11/2025				
30	Thí nghiệm KTHK 2	011100132602	23ĐHKT02	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Báo cáo	2	52	G03	9:30	6	14/11/2025	2	27-52		
31	Kỹ năng Thuyết trình	010100094205	23ĐHNATM2	Khoa Ngoại ngữ	Thuyết trình	2	45	G201	12:30	6	14/11/2025	1	1-11		
32	Kỹ năng Thuyết trình	010100094205	23ĐHNATM2	Khoa Ngoại ngữ	Thuyết trình	2	45	G302	12:30	6	14/11/2025	2	12-22		
33	Kỹ năng Thuyết trình	010100094205	23ĐHNATM2	Khoa Ngoại ngữ	Thuyết trình	2	45	G308	12:30	6	14/11/2025	3	23-33		
34	Kỹ năng Thuyết trình	010100094205	23ĐHNATM2	Khoa Ngoại ngữ	Thuyết trình	2	45	G504	12:30	6	14/11/2025	4	34-45		
35	Biên dịch	010100121501	24ĐHNATM1	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận	2	40	G113	12:30	6	14/11/2025				
36	Biên dịch	010100121503	24ĐHNATM3	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận	2	40	G203	12:30	6	14/11/2025				
37	Biên dịch	010100121504	24ĐHNATM4	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận	2	40	G204	12:30	6	14/11/2025				
38	Biên dịch	010100121505	24ĐHNATM5	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận	2	40	G303	12:30	6	14/11/2025				
39	Dịch vụ thông báo tin tức Hàng không	011100004001	24ĐHKL01	Khoa Khai thác hàng không	Tự luận	2	68	G207	12:30	6	14/11/2025	1	1-34		
40	Dịch vụ thông báo tin tức Hàng không	011100004001	24ĐHKL01	Khoa Khai thác hàng không	Tự luận	2	68	G304	12:30	6	14/11/2025	2	35-68		
41	Dịch vụ thông báo tin tức Hàng không	011100004002	24ĐHKL02	Khoa Khai thác hàng không	Tự luận	2	68	G205	12:30	6	14/11/2025	1	1-34		
42	Dịch vụ thông báo tin tức Hàng không	011100004002	24ĐHKL02	Khoa Khai thác hàng không	Tự luận	2	68	G407	12:30	6	14/11/2025	2	35-68		
43	Hệ thống SCADA	011100016401	23ĐHTĐ01; 23ĐHTĐ02	Khoa Điện - Điện tử	Báo cáo	2	73	G403	12:30	6	14/11/2025	3	51-73		
44	Tiếng Anh 4	011100112001	24ĐAKL01	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	3	46	A113B	12:30	6	14/11/2025			Đọc	

STT	Môn thi	Mã LHP	Lớp	Khoa chủ quản	Hình thức thi	Số tín chỉ	Sĩ số	Phòng Thi	Giờ thi	Thứ	Ngày thi	Nhóm	Từ sĩ số	Cột điểm thi	Ghi Chú
45	Tiếng Anh 4	011100112002	23ĐHDT01	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	3	46	A113A	12:30	6	14/11/2025			Đọc	
46	Tổ chức hệ thống thông tin doanh nghiệp	010100050001	22ĐHQTTTH	Khoa Quản trị kinh doanh	Tự luận	2	19	G202	14:30	6	14/11/2025				
47	Kỹ năng Thuyết trình	010100094203	23ĐHNAHK2	Khoa Ngoại ngữ	Thuyết trình	2	46	G201	14:30	6	14/11/2025	1	1-12		
48	Kỹ năng Thuyết trình	010100094203	23ĐHNAHK2	Khoa Ngoại ngữ	Thuyết trình	2	46	G302	14:30	6	14/11/2025	2	13-24		
49	Kỹ năng Thuyết trình	010100094203	23ĐHNAHK2	Khoa Ngoại ngữ	Thuyết trình	2	46	G308	14:30	6	14/11/2025	3	25-36		
50	Kỹ năng Thuyết trình	010100094203	23ĐHNAHK2	Khoa Ngoại ngữ	Thuyết trình	2	46	G504	14:30	6	14/11/2025	4	37-46		
51	Môi trường và phát triển bền vững hàng không	010100111301	23ĐHKVKH	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	2	72	G205	14:30	6	14/11/2025	1	1-36		
52	Môi trường và phát triển bền vững hàng không	010100111301	23ĐHKVKH	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	2	72	G304	14:30	6	14/11/2025	2	37-72		
53	Biên dịch	010100121506	24ĐHNAHK1	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận	2	40	G113	14:30	6	14/11/2025				
54	Biên dịch	010100121507	24ĐHNAHK2	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận	2	40	G203	14:30	6	14/11/2025				
55	Biên dịch	010100121508	24ĐHNAHK3	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận	2	40	G204	14:30	6	14/11/2025				
56	Biên dịch	010100121509	24ĐHNAHK4	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận	2	40	G303	14:30	6	14/11/2025				
57	Kỹ năng giao tiếp và Văn hóa An ninh Hàng không	010131133401	24ĐHQTTAN	Khoa Quản trị kinh doanh	Thực hành	2	23	G601	14:30	6	14/11/2025				
58	Tiếng Anh 4	011100112003	23ĐHTĐ01	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	3	44	A113A	14:30	6	14/11/2025			Đọc	
59	Tiếng Anh 4	011100112004	23ĐHTĐ02	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	3	43	D02	14:30	6	14/11/2025			Đọc	
60	Tiếng Anh 4	011100112005	23ĐHDT01	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	3	19	A113B	14:30	6	14/11/2025			Đọc	
61	Kinh tế quốc tế	010100030201	24ĐHKVC1	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	2	76	G113	16:30	6	14/11/2025	1	1-38		
62	Kinh tế quốc tế	010100030201	24ĐHKVC1	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	2	76	G303	16:30	6	14/11/2025	2	39-76		
63	Kinh tế quốc tế	010100030202	24ĐHKVC2	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	2	63	G207	16:30	6	14/11/2025	1	1-31		
64	Kinh tế quốc tế	010100030202	24ĐHKVC2	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	2	63	G204	16:30	6	14/11/2025	2	32-63		
65	Kỹ năng Thuyết trình	010100094206	23ĐHNATM3	Khoa Ngoại ngữ	Thuyết trình	2	43	G301	16:30	6	14/11/2025	1	1-11		
66	Kỹ năng Thuyết trình	010100094206	23ĐHNATM3	Khoa Ngoại ngữ	Thuyết trình	2	43	G302	16:30	6	14/11/2025	2	12-22		
67	Kỹ năng Thuyết trình	010100094206	23ĐHNATM3	Khoa Ngoại ngữ	Thuyết trình	2	43	G308	16:30	6	14/11/2025	3	23-34		
68	Kỹ năng Thuyết trình	010100094206	23ĐHNATM3	Khoa Ngoại ngữ	Thuyết trình	2	43	G504	16:30	6	14/11/2025	4	35-43		

STT	Môn thi	Mã LHP	Lớp	Khoa chủ quản	Hình thức thi	Số tín chỉ	Sĩ số	Phòng Thi	Giờ thi	Thứ	Ngày thi	Nhóm	Từ sĩ số	Cột điểm thi	Ghi Chú
69	Kết cấu thép	011100117001	24ĐHXDC1	Khoa Xây dựng	Tự luận	2	24	G203	16:30	6	14/11/2025				
70	Kiến tập Điện - Điện tử	011100156401	23ĐHTĐ01	Khoa Điện - Điện tử	Tiểu luận	2	52	G201	16:30	6	14/11/2025	1	1-26		
71	Kiến tập Điện - Điện tử	011100156401	23ĐHTĐ01	Khoa Điện - Điện tử	Tiểu luận	2	52	G202	16:30	6	14/11/2025	2	27-52		
72	Kỹ năng Thuyết trình	010100094204	23ĐHNATM1	Khoa Ngoại ngữ	Thuyết trình	2	23	G201	18:30	6	14/11/2025	1	1-12		
73	Kỹ năng Thuyết trình	010100094204	23ĐHNATM1	Khoa Ngoại ngữ	Thuyết trình	2	23	G302	18:30	6	14/11/2025	2	13-23		
74	Nghiệp vụ kho hàng và tồn kho	010100112801	23ĐHKVLD01	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	2	56	G113	18:30	6	14/11/2025	1	1-28		
75	Nghiệp vụ kho hàng và tồn kho	010100112801	23ĐHKVLD01	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	2	56	G203	18:30	6	14/11/2025	2	29-56		
76	Nghiệp vụ kho hàng và tồn kho	010100112802	23ĐHKVLD02	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	2	71	G204	18:30	6	14/11/2025	1	1-35		
77	Nghiệp vụ kho hàng và tồn kho	010100112802	23ĐHKVLD02	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	2	71	G303	18:30	6	14/11/2025	2	36-71		
78	Nghiệp vụ kho hàng và tồn kho	010100147201	23ĐHKVLQ1	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	2	43	G205	18:30	6	14/11/2025				
79	Nghiệp vụ kho hàng và tồn kho	010100147202	23ĐHKVLQ2	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	2	27	G202	18:30	6	14/11/2025				
80	Phương pháp nghiên cứu khoa học (NNA)	010100040604	23ĐHNATM1	Khoa Ngoại ngữ	Thuyết trình	2	65	G205	7:30	7	15/11/2025				
81	Phương pháp nghiên cứu khoa học (NNA)	010100040607	23ĐHNATM4	Khoa Ngoại ngữ	Thuyết trình	2	61	G305	7:30	7	15/11/2025				
82	Địa lý kinh tế vùng Đông Nam Á	010100148901	23ĐHKVKH	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	2	72	G207	7:30	7	15/11/2025	1	1-36		
83	Địa lý kinh tế vùng Đông Nam Á	010100148901	23ĐHKVKH	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	2	72	G303	7:30	7	15/11/2025	2	37-72		
84	Chuyên đề quản lý hoạt động bay	011100029501	22ĐHKL01	Khoa Khai thác hàng không	Báo cáo	2	36	G204	7:30	7	15/11/2025				
85	Chuyên đề quản lý hoạt động bay	011100029502	22ĐHKL02	Khoa Khai thác hàng không	Báo cáo	2	61	G113	7:30	7	15/11/2025	1	1-30		
86	Chuyên đề quản lý hoạt động bay	011100029502	22ĐHKL02	Khoa Khai thác hàng không	Báo cáo	2	61	G203	7:30	7	15/11/2025	2	31-61		
87	IOT(Internet Of Things)	011100088401	23ĐHTĐ01	Khoa Điện - Điện tử	Báo cáo	2	17	G201	7:30	7	15/11/2025				
88	Tiếng Anh 4	011100112002	23ĐHĐT01	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	46	G202	7:30	7	15/11/2025	1	1-8	Nói	
89	Tiếng Anh 4	011100112002	23ĐHĐT01	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	46	G301	7:30	7	15/11/2025	2	9-16	Nói	
90	Tiếng Anh 4	011100112002	23ĐHĐT01	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	46	G302	7:30	7	15/11/2025	3	17-24	Nói	
91	Tiếng Anh 4	011100112002	23ĐHĐT01	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	46	G307	7:30	7	15/11/2025	4	25-32	Nói	
92	Tiếng Anh 4	011100112002	23ĐHĐT01	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	46	G308	7:30	7	15/11/2025	5	33-40	Nói	

STT	Môn thi	Mã LHP	Lớp	Khoa chủ quản	Hình thức thi	Số tín chỉ	Sĩ số	Phòng Thi	Giờ thi	Thứ	Ngày thi	Nhóm	Từ sĩ số	Cột điểm thi	Ghi Chú
93	Tiếng Anh 4	011100112002	23ĐHDT01	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	46	G408	7:30	7	15/11/2025	6	41-46	Nói	
94	Phương pháp nghiên cứu khoa học (NNA)	010100040601	23ĐHNADL	Khoa Ngoại ngữ	Thuyết trình	2	61	G205	9:30	7	15/11/2025				
95	Phương pháp nghiên cứu khoa học (NNA)	010100040602	23ĐHNAHK1	Khoa Ngoại ngữ	Thuyết trình	2	59	G305	9:30	7	15/11/2025				
96	Phương pháp nghiên cứu khoa học (NNA)	010100040603	23ĐHNAHK2	Khoa Ngoại ngữ	Thuyết trình	2	65	G406	9:30	7	15/11/2025				
97	Thương mại điện tử	010100133202	23ĐHNL02	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	2	57	G113	9:30	7	15/11/2025	1	1-28		
98	Thương mại điện tử	010100133202	23ĐHNL02	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	2	57	G203	9:30	7	15/11/2025	2	29-57		
99	Thương mại điện tử	010100133203	23ĐHNL03	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	2	59	G303	9:30	7	15/11/2025	1	1-29		
100	Thương mại điện tử	010100133203	23ĐHNL03	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	2	59	G304	9:30	7	15/11/2025	2	30-59		
101	Chuyên đề 1 - ĐTVT	011100072301	23ĐHDT01	Khoa Điện - Điện tử	Báo cáo	2	40	G204	9:30	7	15/11/2025				
102	IOT(Internet Of Things)	011100088402	23DHTĐ02	Khoa Điện - Điện tử	Báo cáo	2	44	G201	9:30	7	15/11/2025				
103	Tiếng Anh 4	011100112003	23DHTĐ01	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	44	G202	9:30	7	15/11/2025	1	1-7	Nói	
104	Tiếng Anh 4	011100112003	23DHTĐ01	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	44	G301	9:30	7	15/11/2025	2	8-15	Nói	
105	Tiếng Anh 4	011100112003	23DHTĐ01	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	44	G302	9:30	7	15/11/2025	3	16-23	Nói	
106	Tiếng Anh 4	011100112003	23DHTĐ01	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	44	G307	9:30	7	15/11/2025	4	24-31	Nói	
107	Tiếng Anh 4	011100112003	23DHTĐ01	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	44	G308	9:30	7	15/11/2025	5	32-38	Nói	
108	Tiếng Anh 4	011100112003	23DHTĐ01	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	44	G408	9:30	7	15/11/2025	6	39-44	Nói	
109	Đồ án kết cấu thép	011100125601	22ĐHXD01	Khoa Xây dựng	Tiểu luận	1	2	G501	9:30	7	15/11/2025				
110	Kỹ năng đàm phán	010100094505	23ĐHNATM2	Khoa Ngoại ngữ	Thuyết trình	2	46	G203	12:30	7	15/11/2025				
111	Kỹ năng đàm phán	010100094506	23ĐHNATM3	Khoa Ngoại ngữ	Thuyết trình	2	24	G205	12:30	7	15/11/2025				Ghép phòng
112	Kỹ năng đàm phán	010100094508	23ĐHNATM1	Khoa Ngoại ngữ	Thuyết trình	2	46	G113	12:30	7	15/11/2025				
113	Kỹ năng đàm phán	010100094509	23ĐHNATM2	Khoa Ngoại ngữ	Thuyết trình	2	26	G205	12:30	7	15/11/2025				Ghép phòng
114	Thương mại điện tử	010100133201	23ĐHNL01	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	2	60	G304	12:30	7	15/11/2025	1	1-30		
115	Thương mại điện tử	010100133201	23ĐHNL01	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	2	60	G307	12:30	7	15/11/2025	2	31-60		
116	Thương mại điện tử	010100133204	23ĐHNL04	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	2	59	G604	12:30	7	15/11/2025	1	1-29		
117	Thương mại điện tử	010100133204	23ĐHNL04	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	2	59	G605	12:30	7	15/11/2025	2	30-59		

STT	Môn thi	Mã LHP	Lớp	Khoa chủ quản	Hình thức thi	Số tín chỉ	Sĩ số	Phòng Thi	Giờ thi	Thứ	Ngày thi	Nhóm	Từ sĩ số	Cột điểm thi	Ghi Chú
118	Management in Practice 1	010100152101	24ĐAQT01	Khoa Quản trị kinh doanh	Tiểu luận	1	45	G201	12:30	7	15/11/2025	1	1-22		
119	Văn hóa và đạo đức kinh doanh trong hàng không	010100168801	24ĐHDLC1	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	2	28	G204	12:30	7	15/11/2025				
120	Văn hóa và đạo đức kinh doanh trong hàng không	010100168802	24ĐHDLC2	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	2	52	G207	12:30	7	15/11/2025	1	1-26		
121	Văn hóa và đạo đức kinh doanh trong hàng không	010100168802	24ĐHDLC2	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	2	52	G303	12:30	7	15/11/2025	2	27-52		
122	Thí nghiệm kỹ thuật viễn thông	011100015801	23ĐHĐT01	Khoa Điện - Điện tử	Báo cáo	1	28	G403	12:30	7	15/11/2025				
123	Tiếng Anh 4	011100112005	23ĐHĐT01	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	19	G202	12:30	7	15/11/2025	1	1-8	Nói	
124	Tiếng Anh 4	011100112005	23ĐHĐT01	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	19	G301	12:30	7	15/11/2025	2	9-16	Nói	
125	Tiếng Anh 4	011100112005	23ĐHĐT01	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	19	G302	12:30	7	15/11/2025	3	17-24	Nói	
126	Thí nghiệm KTHK 2	011100132601	23ĐHKT01	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Báo cáo	2	56	G03	12:30	7	15/11/2025	1	1-28		
127	Kỹ năng đàm phán	010100094501	23ĐHNADL	Khoa Ngoại ngữ	Thuyết trình	2	43	G204	14:30	7	15/11/2025				
128	Kỹ năng đàm phán	010100094502	23ĐHNAHK1	Khoa Ngoại ngữ	Thuyết trình	2	33	G203	14:30	7	15/11/2025				
129	Kỹ năng đàm phán	010100094504	23ĐHNATM1	Khoa Ngoại ngữ	Thuyết trình	2	41	G113	14:30	7	15/11/2025				
130	Management in Practice 1	010100152101	24ĐAQT01	Khoa Quản trị kinh doanh	Tiểu luận	1	45	G201	14:30	7	15/11/2025	2	23-45		
131	Văn hóa và đạo đức kinh doanh trong hàng không	010100168803	24ĐHDLC3	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	2	56	G303	14:30	7	15/11/2025	1	1-28		
132	Văn hóa và đạo đức kinh doanh trong hàng không	010100168803	24ĐHDLC3	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	2	56	G304	14:30	7	15/11/2025	2	29-56		
133	Văn hóa và đạo đức kinh doanh trong hàng không	010100168804	24ĐHDLC4	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	2	56	G205	14:30	7	15/11/2025	1	1-28		
134	Văn hóa và đạo đức kinh doanh trong hàng không	010100168804	24ĐHDLC4	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	2	56	G305	14:30	7	15/11/2025	2	29-56		
135	Tiếng Anh 4	011100112004	23ĐHTĐ02	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	43	G202	14:30	7	15/11/2025	1	1-7	Nói	
136	Tiếng Anh 4	011100112004	23ĐHTĐ02	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	43	G301	14:30	7	15/11/2025	2	8-15	Nói	
137	Tiếng Anh 4	011100112004	23ĐHTĐ02	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	43	G302	14:30	7	15/11/2025	3	16-23	Nói	
138	Tiếng Anh 4	011100112004	23ĐHTĐ02	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	43	G307	14:30	7	15/11/2025	4	24-31	Nói	
139	Tiếng Anh 4	011100112004	23ĐHTĐ02	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	43	G308	14:30	7	15/11/2025	5	32-38	Nói	
140	Tiếng Anh 4	011100112004	23ĐHTĐ02	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	43	G408	14:30	7	15/11/2025	6	39-43	Nói	
141	Cơ học kết cấu 2	011100115901	24ĐHXDC1	Khoa Xây dựng	Tự luận	2	24	G207	14:30	7	15/11/2025				

STT	Môn thi	Mã LHP	Lớp	Khoa chủ quản	Hình thức thi	Số tín chỉ	Sĩ số	Phòng Thi	Giờ thi	Thứ	Ngày thi	Nhóm	Từ sĩ số	Cột điểm thi	Ghi Chú
142	Thí nghiệm KTHK 2	011100132601	23ĐHKT01	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Báo cáo	2	56	G03	14:30	7	15/11/2025	2	29-56		
143	Aeronautical Information Services	011100179001	24ĐAKL01	Khoa Khai thác hàng không	Tự luận	2	49	G502	14:30	7	15/11/2025	1	1-24		
144	Aeronautical Information Services	011100179001	24ĐAKL01	Khoa Khai thác hàng không	Tự luận	2	49	G503	14:30	7	15/11/2025	2	25-49		
145	Văn hóa Anh - Mỹ	010100094301	22ĐHNADL	Khoa Ngoại ngữ	Thuyết trình	2	26	G201	16:30	7	15/11/2025	1	1-12		
146	Vận tải đa phương thức	010100113501	23ĐHKVLD01	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	2	23	G202	16:30	7	15/11/2025				
147	Vận tải đa phương thức	010100113502	23ĐHKVLD02	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	2	70	G113	16:30	7	15/11/2025	1	1-35		
148	Vận tải đa phương thức	010100113502	23ĐHKVLD02	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	2	70	G203	16:30	7	15/11/2025	2	36-70		
149	Thí nghiệm KTHK 2	011100132603	23ĐHKT03	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Báo cáo	2	34	G03	16:30	7	15/11/2025	1	1-17		
150	Cơ học lý thuyết	011152101501	25ĐHXD01	Khoa Xây dựng	Tự luận	2	66	G204	16:30	7	15/11/2025	1	1-33		
151	Cơ học lý thuyết	011152101501	25ĐHXD01	Khoa Xây dựng	Tự luận	2	66	G303	16:30	7	15/11/2025	2	34-66		
152	Cơ học lý thuyết	011152101502	25ĐHQB01	Khoa Xây dựng	Tự luận	2	54	G301	16:30	7	15/11/2025	1	1-27		
153	Cơ học lý thuyết	011152101502	25ĐHQB01	Khoa Xây dựng	Tự luận	2	54	G302	16:30	7	15/11/2025	2	28-54		
154	Cơ học lý thuyết	011152101503	25ĐHQB02	Khoa Xây dựng	Tự luận	2	57	G304	16:30	7	15/11/2025	1	1-28		
155	Cơ học lý thuyết	011152101503	25ĐHQB02	Khoa Xây dựng	Tự luận	2	57	G307	16:30	7	15/11/2025	2	29-57		
156	Văn hóa Anh - Mỹ	010100094301	22ĐHNADL	Khoa Ngoại ngữ	Thuyết trình	2	26	G201	18:30	7	15/11/2025	2	13-26		
157	Tiếng Anh 4	011100112001	24ĐAKL01	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	46	G202	18:30	7	15/11/2025	1	1-8	Nói	
158	Tiếng Anh 4	011100112001	24ĐAKL01	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	46	G301	18:30	7	15/11/2025	2	9-16	Nói	
159	Tiếng Anh 4	011100112001	24ĐAKL01	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	46	G302	18:30	7	15/11/2025	3	17-24	Nói	
160	Tiếng Anh 4	011100112001	24ĐAKL01	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	46	G307	18:30	7	15/11/2025	4	25-32	Nói	
161	Tiếng Anh 4	011100112001	24ĐAKL01	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	46	G308	18:30	7	15/11/2025	5	33-40	Nói	
162	Tiếng Anh 4	011100112001	24ĐAKL01	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	46	G408	18:30	7	15/11/2025	6	41-46	Nói	
163	Thí nghiệm KTHK 2	011100132603	23ĐHKT03	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Báo cáo	2	34	G03	18:30	7	15/11/2025	2	18-34		
164	Đồ án thiết kế kết cấu nhà bê tông cốt thép	011100126301	23ĐHXB01	Khoa Xây dựng	Tiểu luận	1	18	G201	9:30	6	21/11/2025				
165	Thực tập nhận thức nghề nghiệp	011152101601	25ĐHQB01	Khoa Xây dựng	Báo cáo	2	56	G305	7:30	6	28/11/2025	1	1-23		

STT	Môn thi	Mã LHP	Lớp	Khoa chủ quản	Hình thức thi	Số tín chỉ	Sĩ số	Phòng Thi	Giờ thi	Thứ	Ngày thi	Nhóm	Từ sĩ số	Cột điểm thi	Ghi Chú
166	Thực tập nhận thức nghề nghiệp	011152101601	25ĐHQK01	Khoa Xây dựng	Báo cáo	2	56	G305	9:30	6	28/11/2025	2	24-56		
167	Thực tập nhận thức nghề nghiệp	011152101602	25ĐHQK02	Khoa Xây dựng	Báo cáo	2	57	G305	12:30	6	28/11/2025	1	1-23		
168	Thực tập nhận thức nghề nghiệp	011152101602	25ĐHQK02	Khoa Xây dựng	Báo cáo	2	57	G305	14:30	6	28/11/2025	2	24-57		
169	Đồ án môn học 1	011100006001	24ĐHĐT01	Khoa Điện - Điện tử	Tiểu luận	2	53	G404	7:30	7	29/11/2025	1	1-26		
170	Đồ án môn học 1	011100006002	24ĐHĐT02	Khoa Điện - Điện tử	Tiểu luận	2	53	G403	7:30	7	29/11/2025	1	1-26		
171	Đồ án môn học 1	011100006001	24ĐHĐT01	Khoa Điện - Điện tử	Tiểu luận	2	53	G404	9:30	7	29/11/2025	2	27-53		
172	Đồ án môn học 1	011100006002	24ĐHĐT02	Khoa Điện - Điện tử	Tiểu luận	2	53	G403	9:30	7	29/11/2025	2	27-53		
173	Thực hành PLC	011100103201	23DHTĐ01	Khoa Điện - Điện tử	Thực hành	2	44	G403	7:30	4	03/12/2025		1-15		
174	Thực hành PLC	011100103201	23DHTĐ01	Khoa Điện - Điện tử	Thực hành	2	44	G403	9:30	4	03/12/2025		16-30		
175	Thực hành PLC	011100103201	23DHTĐ01	Khoa Điện - Điện tử	Thực hành	2	44	G403	12:30	4	03/12/2025		31-44		
176	Thực hành PLC	011100103202	23DHTĐ02	Khoa Điện - Điện tử	Thực hành	2	30	G403	14:30	4	03/12/2025		1-15		
177	Thực hành PLC	011100103202	23DHTĐ02	Khoa Điện - Điện tử	Thực hành	2	30	G403	16:30	4	03/12/2025		16-30		
178	Đồ án môn học 2 QLHĐB	011100135602	22ĐHKL02	Khoa Khai thác hàng không	Viết báo cáo	2	14	D31	7:30	4	10/12/2025				
179	Đồ án môn học 2 QLHĐB	011100135601	22ĐHKL02	Khoa Khai thác hàng không	Viết báo cáo	2	30	D31	9:30	4	10/12/2025				
180	Thực hành Kỹ thuật Điện tử	011153000501	25ĐHĐT01	Khoa Điện - Điện tử	Báo cáo	2	32	G404	12:30	2	22/12/2025				
181	Thực hành Kỹ thuật Điện tử	011153000503	25ĐHĐT01	Khoa Điện - Điện tử	Báo cáo	2	32	G404	14:30	2	22/12/2025				
182	Thực hành Kỹ thuật Điện tử	011153000504	25ĐHĐU01	Khoa Điện - Điện tử	Báo cáo	2	31	G404	7:30	4	24/12/2025				
183	Thực hành Kỹ thuật Điện tử	011153000506	25ĐHĐU02	Khoa Điện - Điện tử	Báo cáo	2	31	G404	9:30	4	24/12/2025				
184	Thực hành Kỹ thuật Điện tử	011153000502	25ĐHĐU01	Khoa Điện - Điện tử	Báo cáo	2	30	G404	7:30	7	27/12/2025				
185	Thực hành Kỹ thuật Điện tử	011153000505	25ĐHĐU01; 25ĐHĐU02	Khoa Điện - Điện tử	Báo cáo	2	29	G404	9:30	7	27/12/2025				

Lập lịch thi



Dương Gia Bảo

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 11 năm 2025

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO



TS. Trần Thiện Lưu